

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

KẾ HOẠCH

Đầu tư công năm 2022 tỉnh Bắc Giang
(Trình HĐND tỉnh Khóa XIX tại kỳ họp thứ 5)

Bắc Giang, tháng 12 năm 2021





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *186*/BC-HĐND

Bắc Giang, ngày *01* tháng *12* năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Bắc Giang

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban kinh tế - ngân sách đã tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Bắc Giang. Ban kinh tế - ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Khoản 2, Điều 63 Luật đầu tư công năm 2019 quy định: “Trước ngày 10/12 hằng năm, HĐND cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án”.

Từ căn cứ trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng đúng trình tự, thủ tục; thể thức văn bản thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Dự thảo Nghị quyết đã được các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tham gia và đã được UBND tỉnh thông qua.

3. Về nội dung

Nội dung dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng trên cơ sở thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Công văn số 4881/BKHĐT-TH ngày 26/7/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022; Công văn số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022. Theo đó:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 của tỉnh là 9.558,298 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư công cân đối ngân sách địa phương là 7.973,023 tỷ đồng (vốn cân đối ngân sách địa phương: 616,023 tỷ đồng; vốn xổ số kiến thiết: 27 tỷ đồng; vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 7.030 tỷ đồng; vốn trái phiếu chính quyền địa phương phát hành năm 2022: 300 tỷ đồng); vốn ngân sách Trung ương là 1.585,275 tỷ đồng (vốn trong nước: 1.401,675 tỷ đồng; vốn ODA: 183,6 tỷ đồng).

- Nguyên tắc bố trí vốn thực hiện theo thứ ưu tiên từ bố trí cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2022 để phát huy hiệu quả đầu tư; bố trí đối ứng cho 01 dự án sử dụng vốn ODA; đối ứng cho các chương trình MTQG; hỗ trợ theo tiêu chí tính điểm theo Nghị quyết 36/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; tiếp theo đến bố trí cho dự án chuyên tiếp rồi mới bố trí cho các dự án khởi công mới.

- Danh mục dự án dự kiến bố trí vốn đều thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Các dự án được giao kế hoạch vốn cơ bản đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục hoàn thiện dự thảo nghị quyết, bổ sung một số nội dung sau:

- Tiếp tục rà soát để bố trí đủ nhu cầu vốn trả nợ cho các dự án quyết toán, đảm bảo không để nợ đọng.

- Đề nghị sửa tên dự thảo Nghị quyết thành “Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Bắc Giang”.

- Về thể thức văn bản phần “Nơi nhận”: Đề nghị thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I của Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Bắc Giang, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định. /:10

Nơi nhận:

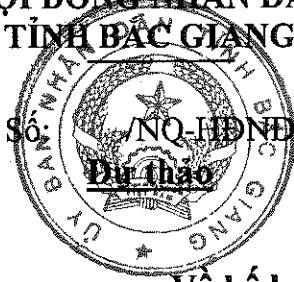
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP;
- Lưu: VT, CTHĐND_{yendt}.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thế Toàn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỶ HỌP THỨ 5

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số 626/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 là **9.558,298 tỷ đồng**, gồm:

1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, cụ thể:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương là 616,023 tỷ đồng;

- Vốn xổ số kiến thiết là 27 tỷ đồng;

- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 7.030 tỷ đồng.

- Vốn trái phiếu chính quyền địa phương phát hành năm 2022 là 300 tỷ đồng.

2. Vốn ngân sách Trung ương, cụ thể:

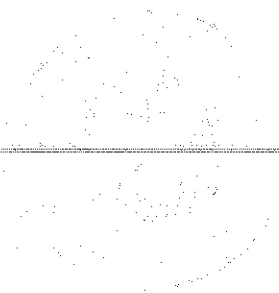
a) Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư theo ngành, lĩnh vực (vốn trong nước) là 1.401,675 tỷ đồng, gồm:

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực hỗ trợ cho tỉnh là 901,675 tỷ đồng.

- Vốn hỗ trợ đầu tư các dự án trọng điểm, liên vùng trên địa bàn tỉnh là 500 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn ODA :

- Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương 132,8 tỷ đồng.



- Vốn ODA do địa phương vay lại là 50,8 tỷ đồng.

(Chi tiết tại các biểu số 1, 2, 3, 4, 5 kèm theo)

Điều 2. Khi phân bổ chi tiết, bổ sung, điều chỉnh nguồn vốn giữa các công trình, dự án trong kế hoạch; chuyển nguồn vốn của các công trình, dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIX, kỳ họp thứ 5 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh;
- Công TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng



Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH
Đầu tư công năm 2022 tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Công văn số 4881/BKHĐT-TH ngày 26/7/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022; Công văn số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022; UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 9 tháng, ước thực hiện cả năm 2021 và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022, như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CỦA TỈNH NĂM 2021

Việc triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2021 được Tỉnh ủy, HĐND - UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo từ quy hoạch, xây dựng kế hoạch, phân bổ vốn, quản lý đầu tư và xây dựng; đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

1. Tình hình giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

1.1. Về tổng kế hoạch vốn đầu tư công giao năm 2021 do tỉnh quản lý là 6.686,812 tỷ đồng (vốn giao cân đối)

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021; số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021; Quyết định số 2015/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2021; UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 theo đúng quy định.

** Vốn ngân sách địa phương: 5.031,023 tỷ đồng:*

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí tính điểm do Trung ương cân đối cho tỉnh đã giao là 616,023 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch Trung ương giao.

- Vốn xổ số kiến thiết là 25 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch Trung ương giao.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất giao cân đối đầu năm là 4.390 tỷ đồng (giao tăng 1.390 tỷ đồng), bằng 146,3% kế hoạch Trung ương giao, hiện nay đã giao 100%.

* *Vốn ngân sách trung ương (NSTW) giao cân đối: 1.304,816 tỷ đồng:*

- Vốn NSTW trong nước đã giao là 1.009,208 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch Trung ương giao.

- Vốn nước ngoài (ODA) 295,608 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch Trung ương giao, gồm: Cấp phát 252,62 tỷ đồng; vay lại 42,988 tỷ đồng.

Đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật kết quả phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSTW chi tiết cho các dự án trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công theo quy định.

1.2. Về nguồn bổ sung từ ngân sách tỉnh năm 2021

Vốn ngân sách tỉnh bổ sung trong năm là 608,3 tỷ đồng, đã giao 100% kế hoạch chi tiết (từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách cấp tỉnh và tăng thu xổ số kiến thiết, tăng thu và tiết kiệm chi khác năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021, vốn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2021 điều tiết ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho đầu tư).

1.3. Về nguồn vốn NSTW bổ sung năm 2021

- Bổ sung vốn từ nguồn dự phòng NSTW năm 2021 cho các địa phương để xử lý cấp bách đề xung yếu, công dưới đề bị sự cố (tại Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 08/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ) là 43 tỷ đồng; đã giao chi tiết 39 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch Trung ương giao; còn lại 4 tỷ đồng chưa phân bổ chi tiết.

- Bổ sung kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021 (tại Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 02/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ) là 27,643 tỷ đồng; đã giao chi tiết 100% vốn cho các huyện, thành phố và các chủ đầu tư.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022; Công điện số 1082/CD-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương. Đồng thời đảm bảo hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn được giao tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021; các nguồn vốn bổ sung từ ngân sách tỉnh, nguồn vốn chuyển nguồn năm 2019, năm 2020 sang thực hiện năm 2021 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn có liên quan tham mưu các giải pháp đẩy nhanh tiến độ, phấn đấu hoàn thành giải ngân ở mức cao nhất kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 của tỉnh; nhất là thời điểm ngay sau khi dịch COVID-19 được kiểm soát trên địa bàn tỉnh đến nay.

Tính đến hết tháng 9/2021, giá trị khối lượng thực hiện đạt 4.852 tỷ đồng, bằng 68,5% kế hoạch; giá trị giải ngân đạt 4.342 tỷ đồng, bằng 61,3% kế hoạch, cụ thể:

- *Nguồn vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực:* Giá trị khối lượng thực hiện

đạt 422,8 tỷ đồng (bằng 42%); giá trị giải ngân đạt 658,5 tỷ đồng (bằng 65,3%).

- *Nguồn vốn nước ngoài (ODA)*: Giá trị khối lượng thực hiện đạt 157 tỷ đồng (bằng 53,1%); giá trị giải ngân đạt 60,6 tỷ đồng (bằng 20,5%).

- *Nguồn vốn ngân sách tỉnh*: Giá trị khối lượng thực hiện đạt 4.141 tỷ đồng (bằng 77,6%); giá trị giải ngân đạt 3.402 tỷ đồng (bằng 63,7%).

- *Nguồn vốn dự phòng NSTW năm 2021*: Giá trị khối lượng thực hiện đạt 2,8 tỷ đồng (bằng 7,1%); giá trị giải ngân đạt 1,5 tỷ đồng (bằng 4%).

- *Nguồn vốn năm 2020 chuyển nguồn sang thực hiện năm 2021*: Giá trị khối lượng thực hiện đạt 128,4 tỷ đồng (bằng 32%); giá trị giải ngân đạt 220 tỷ đồng (bằng 54,7%).

Trong điều kiện khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19, mặc dù tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công 9 tháng năm 2021 chưa đạt được như yêu cầu, song kết quả đạt được như trên là tích cực, là sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành và các chủ đầu tư.

Ước đến 31/12/2021, tỉnh Bắc Giang phấn đấu giải ngân hết 100% vốn chuyển nguồn và đến 31/01/2022 hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao năm 2021.

3. Một số khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

3.1. Một số khó khăn, hạn chế

Do năm 2021 là năm đầu tiên triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nên số vốn giao cho các dự án khởi công mới tăng hơn so với các năm trước (32 dự án khởi công mới, với số vốn 1.109,6 tỷ đồng, chiếm khoảng 33% tổng số vốn đầu tư do tỉnh quản lý, không tính nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố).

Công tác bồi thường, GPMB một số dự án khởi công mới, một số dự án lớn, trọng điểm của tỉnh tại các địa bàn phải giãn cách và cách ly xã hội để chống dịch gặp khó khăn (không họp được dân), phải thực hiện sau khi dịch COVID-19 được kiểm soát; tiến độ một số dự án chuyển tiếp cũng chậm lại do thực hiện giãn cách xã hội (duy trì nhân lực 50% để đảm bảo công tác phòng, chống dịch); việc triển khai bồi thường GPMB khó khăn do nhiều nguyên nhân như người dân đòi hỏi đơn giá bồi thường cao hơn mức quy định, hồ sơ đất khai không đảm bảo...

3.2. Nguyên nhân

- Từ đầu tháng 5/2021, dịch COVID-19 lần thứ 4 bùng phát ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước. Tỉnh phải đối mặt với khó khăn, thách thức chưa từng có khi là tâm dịch lớn nhất của cả nước với biến chủng mới SARS-CoV-2 lây lan trong các khu công nghiệp với tốc độ rất nhanh. Việc thực hiện giãn cách, cách ly xã hội, cách ly y tế đã tác động lớn đến các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; trong đó có công tác đầu tư xây dựng cơ bản. Một số dự án đầu tư, trong

đó có các dự án đầu tư công tại địa bàn thực hiện giãn cách, cách ly xã hội, cách ly y tế gặp khó khăn trong triển khai thực hiện.

- Năm 2021 có đặc thù là năm đầu triển khai trong khi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chưa được thông qua, nhiều dự án mới phải chờ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Quốc hội thông qua mới có cơ sở để giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021.

Đối với nguồn vốn NSTW trong nước được giao tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “chỉ được bố trí kế hoạch vốn năm 2021 cho các dự án khởi công mới sử dụng vốn NSTW (trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng không thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020) sau khi Quốc hội khóa XV quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”, dẫn đến khó khăn, không thực hiện giải ngân được nguồn vốn NSTW đã giao cho tỉnh trong kế hoạch 2021 (vì phần lớn kế hoạch vốn năm 2021 từ nguồn vốn này là các dự án khởi công mới).

- Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu còn chưa chủ động nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành theo định kỳ; thường làm nghiệm thu thanh toán tổng thể nên thường dồn vào các tháng cuối năm.

- Trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư công phải có quá trình thực hiện, nghiệm thu khối lượng mới thực hiện các thủ tục giải ngân vốn tại kho bạc; nhất là các dự án mua sắm trang thiết bị phải hoàn thành toàn bộ gói thầu mới thực hiện thanh toán.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

1. Nguyên tắc chung

1.1. Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của cả nước; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Việc triển khai xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tiếp tục bám sát các mục tiêu, chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; nghị quyết Đại hội Đảng, nghị quyết HĐND các cấp về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022, phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan.

1.2. Đảm bảo đúng nguyên tắc được quy định chi tiết cho từng nguồn vốn được quy định tại khoản 1,2,3,4 mục II, phần B của Công văn số 4881/BKHĐT-TH ngày 26/7/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn theo hướng dẫn tại khoản 2, mục I của Công văn số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Kế hoạch đầu tư công năm 2022

2.1. Định hướng ưu tiên bố trí vốn đầu tư

- Ưu tiên trả nợ vốn ngân sách tỉnh đã vay để bổ sung cho đầu tư đến niên hạn phải trả; trả nợ các dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán; bố trí vốn đối ứng các dự án ODA; các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư hạ tầng giao thông, trọng tâm là các tuyến đường tỉnh, các tuyến đường kết nối đối ngoại giữa Bắc Giang với các tỉnh lân cận; giữa các huyện với vùng động lực kinh tế của tỉnh để tạo không gian phát triển mới.

- Tiếp tục tập trung đầu tư đẩy nhanh tiến độ và khởi công mới dự án mở rộng quy mô giường bệnh các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, các trung tâm y tế huyện.

- Tập trung bố trí vốn đầu tư cải tạo, nâng công suất các trạm bơm nhằm giải quyết nhu cầu tưới, tiêu tại các khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung, các khu vực cần sớm khắc phục nhu cầu tiêu úng; quan tâm công tác phòng chống cháy rừng, tu bổ đê điều...

- Quan tâm bố trí vốn đẩy nhanh tiến độ các dự án lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trọng tâm là Trường Chính trị tỉnh, Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn, các trường phổ thông dân tộc nội trú, THPT còn thiếu phòng học, kí túc xá...

- Đầu tư cơ sở vật chất cơ sở cai nghiện, các công trình văn hóa trọng điểm của tỉnh, đầu tư các dự án thực hiện mục tiêu chuyển đổi số...

- Tiếp tục hỗ trợ bồi thường GPMB dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, hỗ trợ đầu tư trụ sở công an xã trên địa bàn tỉnh, đo đạc bản đồ địa chính và thực hiện một số mục tiêu khác của tỉnh...

2.2. Về nguồn vốn

Tổng nguồn vốn đầu tư công (không bao gồm vốn sự nghiệp CTMTQG) năm 2022 là **9.558,298 tỷ đồng**, bằng 136% so với vốn giao cân đối năm 2021 (vốn trong nước là 9.425,498 tỷ đồng, vốn ODA là 132,8 tỷ đồng), cụ thể gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách tỉnh là 8.023,823 tỷ đồng:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương là 616,023 tỷ đồng, bằng kế hoạch giao năm 2021.

- Vốn từ nguồn thu sử dụng đất là 7.030 tỷ đồng, bằng 160% kế hoạch giao cân đối đầu năm 2021.

- Vốn xổ số kiến thiết là 27 tỷ đồng, bằng 108% kế hoạch giao năm 2021.

- Vốn trái phiếu chính quyền địa phương phát hành năm 2022 là 300 tỷ đồng.

- Vốn ODA do địa phương vay lại là 50,8 tỷ đồng, bằng 118,2% kế hoạch giao năm 2021.

b) Nguồn vốn NSTW hỗ trợ đầu tư theo ngành, lĩnh vực (vốn trong nước) là 1.401,675 tỷ đồng, bằng 138,8% kế hoạch giao năm 2021, gồm:

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực hỗ trợ cho tỉnh là 901,675 tỷ đồng, bằng 127% kế hoạch giao năm 2021.

- Vốn hỗ trợ đầu tư các dự án trọng điểm, liên vùng trên địa bàn tỉnh là 500 tỷ đồng, bằng 166,7% kế hoạch giao năm 2021.

c) Nguồn vốn ODA cấp phát: 132,8 tỷ đồng, bằng 52,6% kế hoạch giao năm 2021.

2.3. Phương án phân bổ theo nguồn vốn năm 2022

2.3.1. Vốn cân đối ngân sách tỉnh

a) Vốn cân đối ngân sách địa phương (theo tiêu chí tính điểm) là **616,023 tỷ đồng**, thực hiện bố trí cho các chương trình, dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của tỉnh, gồm:

- Trả nợ ngân sách tỉnh đã vay (*gồm: trả nợ gốc theo Hiệp định các dự án ODA*) đến niên hạn phải trả: 31,436 tỷ đồng.

- Vốn trả nợ các dự án quyết toán: 78,187 tỷ đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 25 tỷ đồng.

- Đối ứng 01 dự án ODA: 2 tỷ đồng.

- Đối ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 60 tỷ đồng.

- Đối ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: 05 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030: 30 tỷ đồng.

- Hỗ trợ theo tiêu chí cho các huyện, thành phố (theo tiêu chí tính điểm theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND tỉnh cho các huyện, thành phố): 100 tỷ đồng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ, Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh là 20 tỷ đồng.

Như vậy, tổng số vốn cân đối ngân sách tỉnh kế hoạch năm 2022 là 616,023 tỷ đồng thì số vốn bố trí cho trả nợ ngân sách vay, trả nợ quyết toán, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ các huyện, thành phố, đối ứng các chương trình, dự án sử dụng vốn NSTW và ODA **351,623 tỷ đồng**; số vốn còn lại là **264,4 tỷ đồng**, bố trí cho 16 dự án, cụ thể gồm:

*** Lĩnh vực nông nghiệp: 04 dự án, số vốn 45,6 tỷ đồng**

- 03 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2022, số vốn 25,2 tỷ đồng (bố trí cơ bản đủ vốn để hoàn thành, còn lại để quyết toán dự án), gồm:

(1) Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Trúc Núi 12,6 tỷ đồng;

(2) Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Cảm 6,3 tỷ đồng;

(3) Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Tân Tiến 6,3 tỷ đồng.

- 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022, số vốn 20,4 tỷ đồng, dự án Xây mới trạm bơm cống Rút, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang.

*** Lĩnh vực phát thanh truyền hình, thanh thiếu niên: 02 dự án, số vốn 15,3 tỷ đồng**

- 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022, số vốn 5,3 tỷ đồng (bố trí cơ bản đủ vốn để hoàn thành, còn lại để quyết toán dự án): Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm truyền dẫn phát sóng - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- 01 dự án khởi công mới năm 2022, số vốn 10 tỷ đồng: Dự án Đầu tư xây dựng cải tạo Nhà văn hóa Thiếu nhi tỉnh Bắc Giang.

*** Lĩnh vực giáo dục đào tạo - giáo dục nghề nghiệp: 05 dự án, số vốn 121,5 tỷ đồng**

- 03 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2022, số vốn 81,5 tỷ đồng (bố trí cơ bản đủ vốn để hoàn thành, còn lại để quyết toán dự án), gồm:

(1) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường THPT Lục Ngạn số 2, THPT Lục Ngạn số 4 và Trung tâm GDNN-GDTX Lục Ngạn là 8 tỷ đồng;

(2) Nhà khảo thí để làm thi và in sao đề thi; Nhà ký túc học sinh Trường PTDT nội trú tỉnh Bắc Giang 37,5 tỷ đồng;

(3) Nhà ăn, nhà lớp học, nhà ký túc xá Trường PTDT nội trú huyện Sơn Động; Nhà đa năng Trường THPT Sơn Động số 3; Nhà hành chính Trường THPT Sơn Động số 2 là 36 tỷ đồng.

- 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022, số vốn 20 tỷ đồng, dự án Xây dựng mới Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang.

- 01 dự án khởi công mới, số vốn 20 tỷ đồng, dự án xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, DTNT trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

*** Lĩnh vực khoa học công nghệ, 01 dự án khởi công mới:** Dự án nâng cao năng lực Trung tâm ứng dụng khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023, số vốn 12 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực lao động và trợ giúp xã hội, 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022:** Dự án xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1), số vốn 20 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực công nghệ thông tin, 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022:** Dự án Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang (giai đoạn I), số vốn 25 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực quản lý nhà nước, 01 dự án khởi công mới:** Dự án Cải tạo, mở rộng trụ sở Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, số vốn 10 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực tài nguyên và môi trường, 01 dự án khởi công mới:** Dự án Nâng cao năng lực quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, số vốn 15 tỷ đồng.

b) **Vốn xổ số kiến thiết 27 tỷ đồng**, phân bổ cho 01 dự án chuyển tiếp thuộc lĩnh vực y tế là Khối nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang (Tổng kế hoạch 2022 là 108,852 tỷ đồng, gồm vốn xổ số kiến thiết 27 tỷ đồng; vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất 81,852 tỷ đồng).

c) **Vốn từ nguồn thu sử dụng đất năm 2022 là 7.030 tỷ đồng** (tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh được dự kiến theo Nghị quyết đang sửa đổi của HĐND tỉnh giai đoạn 2022-2025), trong đó:

- Để lại các huyện, thành phố **4.695 tỷ đồng** (chiếm 66,8%);
- Tổng số thu điều tiết về Quỹ phát triển đất 116,75 tỷ đồng (chiếm 1,7%);
- Điều tiết ngân sách tỉnh để bổ sung cho đầu tư là **2.218,25 tỷ đồng** (chiếm 31,5%). Trong đó:

(1) Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đặc biệt khó khăn tỉnh Bắc Giang theo Kế hoạch số 511/KH-UBND, 15/10/2021 của UBND tỉnh là 45 tỷ đồng.

(2) Hỗ trợ đầu tư xây dựng lò đốt rác thải các huyện, thành phố (số còn lại theo phân kỳ kết thúc năm 2022) là 47 tỷ đồng.

(3) Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (hỗ trợ từ ngân sách tỉnh 01 tỷ đồng/xã) là 40 tỷ đồng.

(4) Chi đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đã thực hiện hoàn thành 2021) là 16,954 tỷ đồng.

(5) Hoàn thiện hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính các cấp là 4,5 tỷ đồng.

(6) Thanh toán các dự án quyết toán 500 tỷ đồng.

(7) Bổ sung vốn đầu tư và phân bổ chi tiết vốn năm 2022 cho các dự án chuyển tiếp, các dự án khởi công mới do tỉnh quyết định đầu tư và hỗ trợ các huyện đầu tư các dự án cấp thiết, trọng điểm, số vốn **1.567,796 tỷ đồng**, cụ thể là:

*** Lĩnh vực giao thông: 16 dự án, số vốn 951,444 tỷ đồng**

- 01 dự án hoàn thành năm 2021, với số vốn 30 tỷ đồng, dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT289 đoạn Chủ - Khuôn Thần, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Các dự án chuyển tiếp, 06 dự án, số vốn 521,444 tỷ đồng, gồm:

(1) Nâng cấp, mở rộng đường gom bên trái tuyến QL1 (đoạn từ nút giao QL31 đến nút giao đường Hùng Vương) và cải tạo nút giao Hùng Vương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang 125 tỷ đồng;

(2) Xây dựng cầu Chủ trên ĐT289 kéo dài, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang 7 tỷ đồng;

(3) Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang 80 tỷ đồng;

(4) Đường nối từ QL37-QL17-ĐT292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tỉnh Bắc Giang là 229,444 tỷ đồng;

(5) Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đoạn từ thị trấn Nhã Nam đến thị trấn Phồn Xương, tỉnh Bắc Giang 33 tỷ đồng (bố trí hết trung hạn còn lại và cơ bản đủ vốn để hoàn thành, còn lại quyết toán dự án);

(6) Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường trục chính thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang 47 tỷ đồng (bố trí hết trung hạn còn lại và cơ bản đủ vốn để hoàn thành, còn lại quyết toán dự án).

- Các dự án khởi công mới và hỗ trợ ngân sách huyện, 9 dự án, số vốn 400 tỷ đồng, gồm:

(1) Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang 70 tỷ đồng;

(2) Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang 70 tỷ đồng (Tổng kế hoạch năm 2022 là 370 tỷ đồng, gồm 70 tỷ đồng vốn từ tiền thu sử dụng đất và 300 tỷ đồng vốn từ trái phiếu chính quyền địa phương);

(3) Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bô Hạ qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đi trường Cao đẳng Nghề Đông Bắc (huyện Yên Thế) 40 tỷ đồng;

(4) Xây dựng tuyến đường nối QL17 - QL37 đoạn qua khu đô thị Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang 45 tỷ đồng (thực hiện bố trí đủ phần còn lại theo tỷ lệ đã cam kết);

(5) Xây dựng tuyến đường kết nối QL17 với Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang qua KCN Yên Lư và KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang 35 tỷ đồng;

(6) Tuyến đường huyện đoạn từ QL37 đi đường Vành V thủ đô huyện Lạng Giang là 20 tỷ đồng;

(7) Xây dựng tuyến đường trục Bắc Nam, huyện Hiệp Hòa 45 tỷ đồng;

(8) Xây dựng tuyến đường nối từ QL37 đi QL31 (Đoạn từ cầu Sen đi cầu Già Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam 45 tỷ đồng;

(9) Đường từ QL31 vào khu du lịch sinh thái Khe Rỗ, xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang 30 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực thủy lợi: 04 dự án chuyển tiếp, số vốn 236,5 tỷ đồng:**

(1) Xây dựng mới trạm bơm công Chấn 170 tỷ đồng;

(2) Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Khám Lạng 29 tỷ đồng;

(3) Xây dựng Trạm bơm Ngòi Mân, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam 29,5 tỷ đồng;

(4) Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, gồm các hồ: Đá Ong, Cầu Rẽ, Suối Cây; đập Thác Huông, Đá Gân và đập dâng sông Sỏi 8 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực y tế: 09 dự án, số vốn 341,852 tỷ đồng**

- 07 dự án chuyển tiếp, số vốn 264,852 tỷ đồng, gồm:

(1) Khôi nhà trung tâm, khôi nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang 81,852 tỷ đồng (Tổng kế hoạch 2022 là 108,852 tỷ đồng, gồm vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất 81,852 tỷ đồng; vốn xã số kiến thiết 27 tỷ đồng);

(2) Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Tân Yên 20 tỷ đồng;

(3) Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa 35 tỷ đồng;

(4) Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang 10 tỷ đồng;

(5) Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Phục hồi chức năng Bắc Giang 18 tỷ đồng;

(6) Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Ung bướu 45 tỷ đồng;

(7) Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Việt Yên 55 tỷ đồng.

- 02 dự án khởi công mới, số vốn 77 tỷ đồng, gồm:

(1) Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam 38,5 tỷ đồng;

(2) Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Thế 38,5 tỷ đồng.

*** Đối ứng và đầu tư thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh 02 dự án chuyển tiếp, số vốn 35 tỷ đồng:**

(1) Nhà khách Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh 10 tỷ đồng;

(2) Xây dựng Kho vũ khí đạn (Đại đội 29)/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang 25 tỷ đồng.

2.3.2. Vốn hỗ trợ có mục tiêu NSTW 1.401,675 tỷ đồng (vốn trong nước), 27 dự án.

a) Vốn hỗ trợ mục tiêu theo các chương trình của tỉnh (theo tiêu chí cho tỉnh) 901,675 tỷ đồng, 26 dự án:

*** Lĩnh vực giao thông: 08 dự án, số vốn 385,62 tỷ đồng**

- 06 dự án chuyển tiếp, số vốn 300 tỷ đồng, gồm:

(1) Đường cứu hộ, cứu nạn các xã vùng lũ thuộc khu vực sông Thương, sông Cầu, huyện Yên Dũng là 5 tỷ đồng (bố trí hết trung hạn còn lại, hoàn thành dự án vì một số tuyến đã được triển khai theo chương trình giao thông nông thôn);

(2) Xây dựng đường và cầu Hà Bắc 2 nối tuyến nhánh 2, đường Vành đai IV với Khu công nghiệp Yên Phong và QL18, tỉnh Bắc Ninh 50 tỷ đồng;

(3) Cải tạo, nâng cấp ĐT291 trên địa bàn huyện Sơn Động 55 tỷ đồng;

(4) Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (đoạn từ cầu Bó Hạ đến thị trấn Phồn Xương) huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang 45 tỷ đồng (*bổ trí hết số vốn trung hạn còn lại để hoàn thành dự án*);

(5) Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn) 50 tỷ đồng;

(6) Cải tạo, nâng cấp ĐT298 (đoạn Đình Nẻo đi Việt Yên) 95 tỷ đồng.

- 02 dự án khởi công mới, số vốn 85,62 tỷ đồng, gồm:

(1) Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa - Khuôn Thần trên địa bàn huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang 55,62 tỷ đồng;

(2) Đường liên xã từ QL17 (đoạn gần thị trấn Nhã Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang 30 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực nông nghiệp: 07 dự án chuyển tiếp và thu hồi vốn ứng trước, số vốn 298,555 tỷ đồng**

- Thu hồi khoản ứng trước 01 dự án là 199,055 tỷ đồng, của dự án Di dân tái định cư Trường bản Quốc gia khu vực 1 tỉnh Bắc Giang.

- 3 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022, với số vốn 24,5 tỷ đồng, gồm:

(1) Cải tạo, nâng cấp công Đại La, đê tả Cầu, huyện Hiệp Hòa 2,5 tỷ đồng;

(2) Cải tạo, nâng cấp công Yên Ninh, đê tả Cầu, huyện Hiệp Hòa 7 tỷ đồng;

(3) Tu bổ chống sạt lở đê điều hệ thống đê cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên từ K6+000 đến K14+700 đê hữu sông Thương 15 tỷ đồng;

- 3 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022, với số vốn 75 tỷ đồng, gồm:

(1) Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang là 15 tỷ đồng;

(2) Dự án kênh tiêu thoát lũ Nham Biên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang 25 tỷ đồng;

(3) Xây dựng và cải tạo hạ tầng thiết yếu vùng trồng cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao huyện Lục Ngạn 35 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp: 01 dự án chuyển tiếp, số vốn 30 tỷ đồng**, dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc) giai đoạn 2.

*** Lĩnh vực y tế 02 dự án chuyển tiếp, với số vốn 60 tỷ đồng:**

(1) Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn là 30 tỷ đồng;

(2) Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Dũng 30 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực văn hóa, 01 dự án chuyển tiếp:** Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt những điểm khởi nghĩa Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn I), số vốn 37 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực giáo dục đào tạo – giáo dục nghề nghiệp, 01 dự án chuyển tiếp, số vốn 20 tỷ đồng,** dự án Xây dựng 02 giảng đường phục vụ học lý thuyết và chương trình Giáo dục thường xuyên; Nhà ký túc xá Trường cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn, số vốn 20 tỷ đồng.

*** Lĩnh vực thông tin truyền thông, 01 dự án chuyển tiếp, số vốn 7 tỷ đồng,** dự án Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang (bố trí hoàn thành dự án).

*** Chương trình ATK, 5 dự án (03 dự án chuyển tiếp và 02 dự án khởi công mới), số vốn 63,5 tỷ đồng**

- 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022, với số vốn 1,5 tỷ đồng, Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các xã Hoàng An, Hoàng Lương, Thái Sơn, Đại Thành và Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa.

- 2 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022, với số vốn 32 tỷ đồng:

(1) Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Vân, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa 25 tỷ đồng;

(2) Xây dựng cơ sở vật chất một số trường MN, TH, THCS thuộc các xã: Thanh Vân, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thanh, Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa 7 tỷ đồng.

- 2 dự án khởi công mới năm 2022, với số vốn 30 tỷ đồng:

(1) Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Xuân Cẩm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang 15 tỷ đồng;

(2) Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Thái Sơn, Hoàng Vân, Hương Lâm, Hợp Thịnh, Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang 15 tỷ đồng.

b) Vốn hỗ trợ mục tiêu theo chương trình phát triển liên vùng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, 01 dự án chuyển tiếp: Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang 500 tỷ đồng (Tổng kế hoạch năm 2022 là 580 tỷ đồng, gồm 70 tỷ đồng vốn từ tiền thu sử dụng đất và 500 tỷ đồng vốn NSTW).

2.3.3. Vốn ODA:

Tổng vốn là 183,6 tỷ đồng (ODA cấp phát 132,8 tỷ đồng, ODA vay lại 50,8 tỷ đồng), 02 dự án chuyển tiếp:

(1) Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, vốn vay Ngân hàng Thế giới là 22 tỷ đồng (ODA cấp phát 20 tỷ đồng, ODA vay lại 2 tỷ đồng);

(2) Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang là 161,6 tỷ đồng đồng (ODA cấp phát 112,8 tỷ đồng, ODA vay lại 48,8 tỷ đồng).

2.3.4. Vốn trái phiếu chính quyền địa phương phát hành năm 2022 là 300 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án khởi công mới là Dự án xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Tổng kế hoạch năm 2022 là 370 tỷ đồng, gồm 70 tỷ đồng vốn từ tiền thu sử dụng đất và 300 tỷ đồng vốn từ trái phiếu chính quyền địa phương).

(Chi tiết có hệ thống biểu đầu tư công năm 2022 từ biểu số 1, 2, 3, 4 và 5 kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + Các phòng, ban, đơn vị;
 - + Lưu: VT, TH.An.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương



HỆ THỐNG BIỂU

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	TỔNG SỐ	9.558.298	9.425.498	132.800	
1	Vốn NSNN	9.558.298	9.425.498	132.800	
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	8.023.823	8.023.823		
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo tính điểm do TW cân đối cho tỉnh (<i>không bao gồm đất, số số và bội chi</i>)	616.023	616.023		
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	7.030.000	7.030.000		Giao tăng so với TW giao là 2.530 tỷ đồng
-	Xổ số kiến thiết	27.000	27.000		Giao tăng so với TW giao là 2 tỷ đồng
-	Bội chi ngân sách địa phương, trong đó:	350.800	350.800		
	+ Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	300.000	300.000		Phát hành theo NQ số 19/NQ-HĐND, 10/8/2021
	+ Vốn ODA do địa phương vay lại năm 2021	50.800		50.800	
1.2	Vốn ngân sách trung ương	1.534.475	1.401.675	132.800	
1.2.1	Vốn trong nước	1.401.675	1.401.675		

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	- Vốn hỗ trợ mục tiêu theo các chương trình của tỉnh (theo tiêu chí cho tỉnh) + Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước	901.675	901.675		
	- Vốn hỗ trợ mục tiêu theo chương trình phát triển liên vùng trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ khác từ ngân sách trung ương (ngoài tiêu chí cho tỉnh)	500.000	500.000		
	- Vốn CTMTQG, gồm: + Chương trình MTQG xây dựng NTM + Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 + Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025				TW chưa giao vốn trung hạn 2021-2025 và thông báo KH năm 2022
1.2.2	Vốn nước ngoài (ODA)	132.800		132.800	
	- Cấp phát từ ngân sách Trung ương	132.800		132.800	
2	Vốn bổ sung khác từ ngân sách tỉnh				
3	Vốn bổ sung khác từ ngân sách trung ương				
4	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật				

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KCC-HIT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí và khởi công đến hết kế hoạch năm 2021	Kế hoạch 2022			Đơn vị: Triệu đồng			
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Vốn số kiến thiết				
												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
	TỔNG SỐ				1.743.824	1.521.664	1.932.740	1.429.038	1.138.617	985.382	5.688.081	5.500.197	7.776.875	616.023	7.030.000	2.335.000	4.695.000	27.000
A	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH VÀ XỔ SỐ KIẾN THIẾT				1.743.824	1.521.664	1.932.740	1.429.038	1.138.617	985.382	1.298.081	1.110.197	746.875	616.023				27.000
I	TRẢ NG VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI PHẦN NGÂN SÁCH TỈNH PHẢI TRẢ										28.712	28.712	31.436	31.436				
1	Trả nợ vốn vay tín dụng ưu đãi phần ngân sách tỉnh phải trả										19.000	19.000						
2	Trả nợ gốc các theo Hiệp định các dự án ODA đến niên hạn phải trả										9.711,57	9.711,57	31.436	31.436				
II	THANH TOÁN CÁC DỰ ÁN QUYẾT TOÁN										45.587	45.587	78.187	78.187				
IV	HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, TP										160.000	160.000	195.000	195.000				
1	Ngân sách tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố theo tiêu chí tỉnh điểm (Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh)	Các huyện, tp	Đầu tư tư liệu, kinh tế - xã hội	2021-2025							100.000	100.000	100.000	100.000				
1.1	Thành phố Bắc Giang										5.900	5.900	5.900	5.900				
1.2	Huyện Sơn Động										13.800	13.800	13.800	13.800				
1.3	Huyện Lục Ngạn										16.300	16.300	16.300	16.300				
1.4	Huyện Lục Nam										12.600	12.600	12.600	12.600				

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HIT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2021				Kế hoạch 2022				Ghi chú			
					TMĐT		TMĐT		TMĐT		TMĐT		TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số vốn bố trí từ nguồn thu tiền SDD	Vốn từ nguồn thu tiền SDD		Vốn từ nguồn thu tiền SDD	Vốn số kiến thiết	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)											Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1.5	Huyện Yên Thế																								
1.6	Huyện Hiệp Hòa																								
1.7	Huyện Tân Yên																								
1.8	Huyện Việt Yên																								
1.9	Huyện Yên Dũng																								
1.10	Huyện Lạng Giang																								
2	Hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện Chương trình MTQC xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Các h, tp	Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội	2021-2025																					
3	Đổi ứng Chương trình MTQC giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Các huyện	Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội	2021-2025																					
4	Đổi ứng Chương trình MTQC phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Các huyện	Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội	2021-2025																					
V	ĐOÌ ỨNG CÁC DỰ ÁN																								
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022																								
1.1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, vay vốn ngân hàng Thế giới	Sở TN&MT	Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai; xây dựng CSDL đất đai	2019-2022	1426/QĐ-UBND, 08/9/2016; 208/BTNMT-KH; 969/QĐ-UBND, 16/12/2019	431/QĐ-UBND, ngày 02/7/2019; 969/QĐ-UBND, ngày 16/12/2019	152.498	24.321	152.392	24.157	152.392	24.157	61.108	9.500	24.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	Vốn ODA cấp phát năm 2022 là 70 tỷ đồng (do tháng 2021 để nghị đầu chấp thuận 31,5 tỷ đồng vốn ODA)

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HTT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn của đối NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		
																Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh
1.2	Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Trung tâm NS&VSMTN T; Sở QĐ&ĐT; IT Kiểm soát bệnh tật tỉnh BG	Xây dựng các công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn, vệ sinh trường học	2016-2020	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn của đối NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu	Vốn từ SDD	Vốn từ nguồn thu SDD	Vốn từ đầu tư xã hội	KH năm 2021 dự bố trí từ vốn ODA hàng năm 2021-2023
2	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022					71.968	6.248					2.600	2.600					
2.1	Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển nông thôn và cơ sở y tế vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	Ban QLDA ĐTXD các tỉnh DD&CN tỉnh	Xây mới 5 trạm y tế và sửa chữa, nâng cấp 17 trạm y tế	2019-2024	6689/QĐ-BYT, ngày 02/11/2018; 3828/QĐ-BYT, ngày 02/11/2018; 3828/QĐ-BYT, ngày 28/8/2019; 2564/QĐ-UBND, ngày 25/12/2020	71.968	6.248					2.600	2.600					Dự án chưa được giao vốn ODA trong hạn 2021-2023
VI	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ PTNT																	
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022																	
1.1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Tân Núi	Ban QLDA ĐTXD các CTGT,NN tỉnh	Tiền 710ha, tuổi 1.425ha	2020-2022	91/QĐ-UBND ngày 12/02/2020	135.234	135.234					25.400	25.400					Kết hợp với nguồn vốn đối lập
1.2	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Cẩm	Ban QLDA ĐTXD các CTGT,NN tỉnh	Tiền 267 ha, tuổi 74,8 ha	2020-2022	92/QĐ-UBND ngày 12/02/2020	96.240	96.240					18.000	18.000					Kết hợp với nguồn vốn đối lập
1.3	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Tân Tiến	Ban QLDA ĐTXD các CTGT,NN tỉnh	Tiền 270ha, tuổi 175 ha	2020-2022	93/QĐ-UBND ngày 12/02/2020	96.240	96.240					6.000	6.000					Kết hợp với nguồn vốn đối lập
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																	
						38.994	38.994					7.400	7.400					
						38.994	38.994					20.400	20.400					

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bổ trợ từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2021		Kế hoạch 2022				Chỉ chủ		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Vốn số kiến thiết	
															Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Tổng số
*	Đầu tư các dự án thủy lợi																		
2.1	Xây mới trạm bơm công suất 383ha, TP Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT tỉnh	Tiểu nước chi động cho 383ha	2021-2023	77/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	38.994	38.994	38.994			7.400	7.400	20.400						
VII	LĨNH VỰC PTTH, THANH THIÊN NIÊN																		
1	Dự án hoàn thành năm																		
1.1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Truyền dẫn phát sóng - Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Giang	Đài PT&TH tỉnh	Xây dựng mới khối nhà trung tâm 2 tầng 922 m ² , các hạng mục phụ trợ và hệ thống phát sóng truyền hình	2021-2022	270/QĐ-SXD UBND ngày 29/10/2020	11.764	11.764	11.680			5.200	5.200	5.300						
2	Dự án khởi công mới năm																		
2.1	Đầu tư xây dựng cải tạo Nhà văn hóa Thiếu nhi tỉnh Bắc Giang	BTV Tỉnh đoàn Bắc Giang	Cải tạo, sửa chữa	2022-2023	2261/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	17.171	17.171	17.171			250	250	10.000						
VIII	LĨNH VỰC Y TẾ																		
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																		
1	Khởi nhà trung tâm, khởi nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT tỉnh	Xây mới 3 khối nhà 15 tầng, 7 tầng và 5 tầng	2018-2022	515/HĐND-TH ngày 06/8/2018; 39/QĐ-HĐND ngày 09/12/2020	710.000	710.000	600.000			615.540	615.540	108.852						
IX	LĨNH VỰC GIAO DỤC - NGHỀ NGHIỆP																		

Vốn từ nguồn thu tiền SDD ngân sách tỉnh bổ sung để lại các huyện, thành phố và Quỹ PT đất

Vốn từ nguồn thu tiền SDD ngân sách tỉnh bổ sung để lại các huyện, thành phố và Quỹ PT đất

Vốn từ nguồn thu tiền SDD ngân sách tỉnh bổ sung để lại các huyện, thành phố và Quỹ PT đất

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí từ khế công đến hết kế hoạch năm 2021	Kế hoạch 2022			Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn cân đối NS tỉnh	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Vốn từ nguồn thu của SDD	Vốn số kiến thiết		
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Vốn ngân sách tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn từ nguồn thu của SDD
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				140.317	140.317	140.317	140.317	40.787	40.787	43.850	43.850	81.500	81.500					
1.1	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường THPT Lạc Ngạn số 2, THPT Lạc Ngạn số 4 và Trung tâm GDNN-GDTX Lạc Ngạn	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Xây mới các nhà lớp học, nhà công vụ với tổng diện tích sàn 4.580m ²	2019-2021	62/QĐ-UBND, ngày 24/01/2019	34.996	34.996	34.996	34.996	40.787	28.250	8.000	8.000	8.000					
1.2	Nhà khảo thí để làm thí và in sao đề thi; Nhà ký túc học sinh Trường FPT nội trú tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Nhà in sao đề 05 tầng, ĐTXD Trường FPT nội trú tỉnh Bắc Giang	2021-2022	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	53.996	53.996	53.996	53.996		8.300	37.500	37.500						
1.3	Nhà ăn, nhà lớp học, nhà ký túc xá Trường FPT nội trú huyện Sơn Động; Nhà đa năng Trường THPT Sơn Động số 3; Nhà hành chính Trường THPT Sơn Động số 2	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Nhà KTX 4 tầng, nhà ăn 2 tầng, nhà lớp học 3 tầng 9 phòng; nhà đa năng 01 tầng; nhà hành chính 5 tầng và các hạng mục phụ trợ	2021-2022	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	51.325	51.325	51.325	51.325		7.300	36.000	36.000						
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	113.923	113.923	20.000	20.000						
2.1	Xây dựng mới Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Xây dựng mới, diện tích 4ha.	2019-2023	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; 31/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019	150.000	150.000	150.000	150.000		113.923	20.000	20.000						
3	Dự án khởi công mới năm 2022				105.446	105.446	105.446	105.446		400	400	20.000	20.000						
3.1	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, DTNT trên địa bàn huyện Lạc Ngạn, Lạc Nam, Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Xây dựng 5 nhà học bộ môn, DT sân bóng đá, DT sân tennis, DT sân bóng rổ, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng đá 5 người, các hạng mục phụ trợ	2022-2024	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	105.446	105.446	105.446	105.446		400	20.000	20.000						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết học năm 2021				Kế hoạch 2022				Chi trả										
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Vốn từ ngân sách địa phương		Vốn từ ngân sách tỉnh	Vốn từ ngân sách địa phương								
															Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT
X	LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ																												
1	Dự án khởi công một năm 2022																												
1.1	Dự án nâng cao năng lực Trung tâm ứng dụng khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023	Sv KH&CN	Đầu tư cơ sở vật chất và TTB	2022-2023	766/QĐ-UBND, ngày 27/7/2021	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466	31.466								
XI	LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - HỖ TRỢ CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI																												
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																												
1.1	Xây dựng Cơ sở cai nghiện ma túy (tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	Sở Lao động, TB&XH	Quy mô giai đoạn 1: 100 đối tượng	2021-2023	696/QĐ-UBND, ngày 09/8/2020	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484	44.484								
XII	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN																												
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																												
1.1	Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	VP UBND tỉnh	Mua sắm TTB	2021-2022	1123/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500								
XIII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																												

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí từ khối công đầu hết kế hoạch năm 2021	Kế hoạch 2022				Chỉ chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Vốn bổ sung cho đầu tư ngoài thu tiền SDD		Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh						
												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Vốn cân đối NS tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền SDD	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Vốn số kiến thiết
1	Dự án khởi công mới năm 2022				11.751	11.751	11.751	11.751	250	250	10.000	10.000								
(1)	Cải tạo, mở rộng và sửa chữa Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang	Ban QL cấp KCN tỉnh Bắc Giang	Cải tạo, nâng cấp DT sản 1.324ha; xây mới 01 nhà 3 tầng, di sản 73ha	2022-2023	628/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	307/QĐ-SXD ngày 01/11/2021	11.751	11.751	250	250	10.000	10.000								
XIV	CÔNG CỘNG ĐÓ THỊ - TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						40.349	40.349	200	200	15.000	15.000								
1	Các dự án khởi công mới năm 2022				40.349	40.349	40.349	40.349	200	200	15.000	15.000								
1.1	Nâng cao năng lực quản lý môi trường từ đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Tài nguyên và Môi trường	Mua sắm TTB	2022-2023	1263/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2255/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	40.349	40.349	200	200	15.000	15.000								
XV	HỒ TKỘ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO NGÀY 17/4/2018/NĐ-CP, NGÀY 17/4/2018/NQ-HBND, 11/7/2019	Các doanh nghiệp	Xây dựng nhà xưởng	2021-2025							20.000	20.000								
B	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT								4.390.000	4.390.000	7.030.000	7.030.000	2.335.000	4.695.000						
	Thị trấn phố Bắc Giang								1.760.000	1.760.000	2.400.000	2.400.000								
	Huyện Hiệp Hòa								1.000.000	1.000.000	1.700.000	1.700.000								
	Huyện Yên Dũng								200.000	200.000	400.000	400.000								
	Huyện Lạng Giang								450.000	450.000	595.000	595.000								
	Huyện Tân Yên								600.000	600.000	730.000	730.000								
	Huyện Yên Thế								150.000	150.000	300.000	300.000								
	Huyện Lục Nam								50.000	50.000	100.000	100.000								
									300.000	300.000	595.000	595.000								

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí từ khế hoạch đến hết kế hoạch năm 2021		Kế hoạch 2022				Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu hiện SDD	Vốn số	Vốn từ nguồn thu hiện SDD để lại các huyện, thành phố	Vốn số kiến thiết
															Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
	Huyện Lục Ngạn																				
	Huyện Sơn Động																				
1	TRÁCH QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH; ĐIỀU TIẾT NS TỈNH BÈ CHI BT GPMB VÀ BỔ SUNG CHO ĐẦU TƯ																				
	<i>Trong đó:</i>																				
1	Trích lập quỹ phát triển đất			2022																	
2	Bổ sung cho đầu tư cho các dự án cấp thiết của tỉnh			2022																	
2.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngăn, cầu dẫn sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA các huyện	Xây dựng 73 công trình ngăn dẫn sinh trên địa bàn 08 thôn, bản của 4 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế	2022-2024	511/KH-UBND, 15/10/2021	165.500	150.000	10.323.268	6.921.716	1.152.365	1.127.365	2.063.203	1.716.203	3.845.250	2.218.250				Thực hiện Mã dự án huyện		
(1)	Hỗ trợ Đầu tư xây dựng công trình ngăn, cầu dẫn sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Động giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA huyện Sơn Động		2022-2024	615/QP-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Sơn Động	79.930	72.000	79.930	72.000					21.600	21.600				Hỗ trợ ngăn sách huyện		

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-XT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí từ khế hoạch đầu tư kế hoạch năm 2021	Kế hoạch 2022				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Vốn số đối NS tỉnh	
												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Trong đó: Vốn từ nguồn thu tiền SDB		
(2)	Hỗ trợ Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Ngạn giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA huyện Lục Ngạn	2022-2024	2073/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Lục Ngạn	29.400	25.000	29.400	25.000				7.500				Hỗ trợ ngân sách huyện
(3)	Hỗ trợ Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Nam giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA huyện Lục Nam	2022-2024	2706/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Lục Nam	48.200	41.000	48.200	41.000				12.300				Hỗ trợ ngân sách huyện
(4)	Hỗ trợ Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA huyện Yên Thế	2022-2024	645/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Yên Thế	14.613	12.000	14.613	12.000				3.600				Hỗ trợ ngân sách huyện
2.2	Hỗ trợ ngân sách các huyện đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND, 09/7/2020											47.000				
(1)	Hỗ trợ đầu tư xây dựng lò đốt rác thải các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố	2020-2022	NQ 06/2020/NQ-HĐND, 09/7/2020	219.900	119.250	219.900	119.250			23.764	47.000				Thực hiện kế hoạch NS huyện

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bổ trợ từ khoi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Vốn chủ
															Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		
2.3	Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giải ngân sách tỉnh 01 tỷ (đồng/xã)	UBND các huyện, xã	Cơ sở làm việc công an xã, thị trấn	2021-2025	1233/QĐ-UBND, 21/6/2021	368.000	184.000	184.000	184.000		40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	16 trợ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện, xã để thực hiện huyện, xã để ứng phó với biến đổi khí hậu	
	Thành phố Bắc Giang		5 trụ sở				5.000	5.000								TP chính có dự án, đầu tư từ 2023		
	Huyện Việt Yên		16 trụ sở				16.000	16.000								Như chủ đề xuất của huyện		
	Huyện Hiệp Hòa		25 trụ sở				25.000	25.000								Như chủ đề xuất của huyện		
	Huyện Yên Dũng		16 trụ sở				16.000	16.000								Như chủ đề xuất của huyện		
	Huyện Lạng Giang		21 trụ sở				21.000	21.000										
	Huyện Tân Yên		20 trụ sở				20.000	20.000										
	Huyện Yên Thế		18 trụ sở				18.000	18.000										
	Huyện Lục Nam		23 trụ sở				23.000	23.000										
	Huyện Lục Ngạn		27 trụ sở				27.000	27.000										
	Huyện Sơn Động		13 trụ sở				13.000	13.000										
2.4	Đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất thực hiện hoàn thành 2021)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đo đạc bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất thực hiện hoàn thành 2021)	2011-2020	856/QĐ-UBND, 03/7/2012; 1691/QĐ-UBND, 24/8/2020	1.032.928	404.378	404.378	404.378		16.954	16.954	16.954	16.954	16.954	Trả vay khải lương đã thực hiện		
2.5	Hoàn thiện hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính các cấp	Sở Nội vụ	Hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính	2015-2020	777/QĐ-UBND, 06/5/2015; 6971/QĐ-UBND, 06/5/2019; 934/QĐ-UBND, 15/5/2020	27.981	4.500	4.500	4.500		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	Trả vay khải lương đã thực hiện		
2.6	Thanh toán các dự án quyết toán			2022										500.000	500.000			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC, HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Tỷ lệ về vốn bỏ từ kế hoạch công dân kể từ kế hoạch năm 2021			Kế hoạch 2022			Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Vốn số kế hoạch
															Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		
2.7	Lĩnh vực giao thông				5.467.474	3.412.901	5.627.197	3.592.230	238.598	238.598	862.053	562.053	1.751.444	951.444				
*	Các dự án hoàn thành năm 2021				170.096	170.096	214.254	214.254			132.073	132.073	30.000	30.000				
1	Cải tạo, nâng cấp ĐT289 đoạn Chũ - Khôn Thôn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	Đuân Kien-an, Kien-an 01, 1,3km, đường dài 01, Đuân Kien-an 01, Đuân Kien-an 02, 9,4km, đường cấp III, đường bằng	2019-2021	170.096	170.096	214.254	214.254			132.073	132.073	30.000	30.000				
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				284.239	284.239	425.760	425.760	238.598	238.598	246.480	246.480	132.000	132.000				HT GDI của dự án
1	Nâng cấp, mở rộng đường gom bên trái tuyến QL1 (đoạn từ nút giao QL31 đến nút giao đường Hùng Vương) và cải tạo nút giao Hùng Vương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	Nâng cấp, mở rộng đường gom dài 2,7km; cải tạo nút giao Hùng Vương	2020-2022	98.468	98.468	240.448	240.448	238.598	238.598	80.300	80.300	125.000	125.000				
2	Xây dựng cầu Chũ trên ĐT289 (kéo dài, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	Xây dựng 01 cầu dài 220m và đường dẫn dài 580m	2020-2022	185.771	185.771	185.312	185.312			166.180	166.180	7.000	7.000				
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				1.452.715	352.715	1.452.715	352.715			340.800	40.800	889.444	369.444				
1	Đường nối QL37 - QL17 - Vũ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	XD mới 02,3 km (28,3 km cấp III đồng bằng, 14 km cấp III MNS); CT, NC 33,69 km cấp III	2021-2024	1.452.715	352.715	1.452.715	352.715			340.800	40.800	580.000	80.000				Nguyên nhân chưa đổi ông BTGPMB dự án có đồng vốn NSTW
2	Đường nối từ QL37-QL17- Yên, Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN tỉnh	Cấp III đồng bằng, tổng chiều dài 18,3km, 01 cầu vượt sông, thương và 3 cầu nhỏ vượt kênh mương (toát nước)	2021-2024	678.443	598.443	678.443	598.443			136.100	56.100	229.444	229.444				

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lấy kế vốn bổ trợ từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch 2022				Ghi chú							
					Số quyết định; ngày, năm ban hành	TMBĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu tiền SDD	Vốn từ nguồn thu tiền SDD để lại các huyện, thành phố	Vốn số kế thiết	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh									
																			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn số	Vốn từ nguồn thu tiền SDD	Vốn số kế thiết
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đoạn từ thị trấn Nhãn Nam đến thị trấn Phồn Xương, tỉnh Bắc Giang	Sở GTVT	Đường cấp III đồng bằng; chiều dài 5,3km	2020-2023	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	572/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	64.922	64.922	2559/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	64.922	64.922	25.500	25.500	33.000	33.000													
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường trục chính thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Sơn Động	Đường cấp III gồm 4 tuyến với tổng chiều dài 4,25km	2021-2023	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	1124/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	74.671	74.671	1262/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	74.671	74.671	20.500	20.500	47.000	47.000													
*	Các dự án khởi công mới năm 2022				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		1.964.147	1.964.147		1.964.147	1.964.147	2.700	2.700	700.000	700.000	490.000												
1	Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA BTXD các CTGT,NN tỉnh	Tuyến nhánh 1=3,3km, Bên= 011=1,44km, cấp III đồng bằng; Đường gom 021=0,3km, Bên= 9=5m; 01 cầu vượt dân sinh; 02 cầu tu phi; cấp độ phân cấp sáng	2022-2025	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	03/NQ-HBND, ngày 29/3/2021	211.147	211.147	166/TT-BQLDA, ngày 30/9/2021	211.035	211.035	700	700	70.000	70.000													
2	Xây dựng cầu Đổng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA BTXD các CTGT,NN tỉnh	Đường cấp II đồng bằng, chiều dài huyện 7,94km; phần cầu vòm cao bằng kết cấu BTCT và BTCT DƯL, chiều dài 711 m; bề rộng toàn cầu B=23,5m	2022-2025	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	14/NQ-HBND ngày 29/6/2021	1.493.000	1.493.000	2440/QĐ-UBND, ngày 29/11/2021	1.492.478	1.492.478	1.200	1.200	370.000	370.000	70.000												
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bồ Hồ qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đi trường Cao đẳng Nghệ Đông Bắc	UBND huyện Yên Thế	Dài 11,26km; cấp III đồng bằng	2022-2025	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	14/NQ-HBND ngày 29/6/2021	260.000	260.000	2307/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	260.000	260.000	800	800	40.000	40.000													
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Yên Dũng				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành																							

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến kết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch 2022			Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu tiền SDB		Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền SDB	Vốn cần đối NS tỉnh
1	Xây dựng tuyến đường nối QL17 - QL37 đoạn qua khu đô thị Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Yên Dũng	Quy mô đường đô thị, dài 2.583 km.	2020-2023	19/NQ-HĐND ngày 20/4/2020 của UBND huyện Yên Dũng	200.465	160.372	2539/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND h. Yên Dũng	194.272	155.418	110.000	110.000	45.000	45.000			Tính hỗ trợ NS huyện bằng 80% TMDT		
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Việt Yên																		
1	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Quốc lộ 17 với Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang qua KCN Yên Lư và KCN Văn Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Việt Yên	3,43km; cấp III đồng bằng	2021-2024	27/NQ-HĐND ngày 29/5/2020 của UBND huyện Việt Yên	170.664	85.332	4711/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND h. Việt Yên	169.142	84.571	30.000	30.000	35.000	35.000			Tính hỗ trợ NS huyện bằng 90% TMDT		
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Lạng Giang																		
1	Tuyến đường huyện đoạn thi QL37 đi đường Vành đai V thủ đô (huyện Lạng Giang)	Huyện Lạng Giang	11,904 Km gồm 03 đoạn tuyến và 01 cầu vượt cao tốc BG-LS	2021-2024	44/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Lạng Giang	410.000	60.000	4706/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện Lạng Giang	409.539	60.000			20.000	20.000			Tính hỗ trợ NS huyện bằng 90% TMDT		
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Hiệp Hòa																		
1	Xây dựng tuyến đường trục Bắc Nam, huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	Chiều dài tuyến L=8,5km, theo TCXDVN 104:2007	2021-2024	2155/UBND-KTN, ngày 15/9/2021; 430/BC-SKHĐT, ngày 19/7/2021	500.000	150.000	2869/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND huyện Hiệp Hòa	482.964	150.000			45.000	45.000			Tính hỗ trợ NS huyện		
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Lục Nam																		
1	Xây dựng tuyến đường nối từ QL37 đi QL31 (Đoạn từ cầu Sen đi cầu Gai Kút), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	Huyện Lục Nam	Chiều dài tuyến L=3,858km; Công trình giao thông cấp II	2022-2025	66/NQ-HĐND ngày 06/8/2021 của UBND huyện Lục Nam	220.300	110.000	14838/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Lục Nam	220.300	110.000			45.000	45.000			Tính hỗ trợ NS huyện		
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Sơn Động																		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HIT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư đầu chính			Lấy kế vốn bù trừ khỏi công ứng bất kể kế hoạch năm 2021		Kế hoạch 2022				Chi chi		
					TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Vốn số		Vốn từ nguồn thu	Vốn số
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				Vốn số	Vốn từ nguồn thu	Vốn số				
1	Đường từ QL31 vào khu du lịch sinh thái Khe Rô, xã An Lạc, huyện Sơn Đông, tỉnh Bắc Giang	Huyện Sơn Đông	Tổng chiều dài 4,5km; một đường 9m; 3 ngày	2022-2025	20/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND huyện Sơn Đông	94.848	76.000	5122/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Sơn Đông	94.749	76.000		30.000	30.000					Thực hiện dự NS huyện	
2.8	Lĩnh vực thủy lợi					646.539	621.539		645.730	620.730		236.500	236.500						
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					646.539	621.539		645.730	620.730		236.500	236.500						
1	Xây dựng mới trạm bơm công Chấn	Ban QLDA ĐTXD CCT, NN tỉnh	Công suất 162.000 m ³ /giờ, diện tích mặt nước cho 80.300ha khu vực sông Cầu Lã và sông Cầu Đê KCN CCN	2021-2024	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	474.368	449.368	1352/QĐ-UBND ngày 02/7/2021	473.559	448.559		27.000	27.000			170.000			
2	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Kham Lạng	Ban QLDA ĐTXD CCT, NN tỉnh	Tiền chủ động cho 1.075ha; tưới 370ha.	2021-2023	706/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	76.741	76.741	453/QĐ-UBND ngày 13/3/2021	76.741	76.741		9.839	9.839			29.000			
3	Xây dựng Trạm bơm Ngòi Mần, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD CCT, NN tỉnh	Đảm bảo tiêu nước chủ động cho 900ha	2021-2023	707/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	77.174	77.174	484/QĐ-UBND ngày 18/3/2021	77.174	77.174		9.650	9.650			29.500			
4	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, gồm các hồ: Đả Ong, Cầu Rê, Suối Cây, đập Thác Hoàng, Đả Gân và đập dâng sông Sỏi	Công ty TNHH MTV KICITL Nam Sông Thương	Cần mở chi phí: lắp đặt tra và quan trắc đập, lắp chia nước, các trạm đo mực nước hồ, giám sát, tích hợp dữ liệu quan trắc	2021-2023	1121/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	18.256	18.256	2203/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	18.256	18.256		200	200			8.000			
2.9	Lĩnh vực y tế					2.074.614	1.928.814		1.985.176	1.758.377		913.767	888.767			341.852			
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					1.335.863	1.310.863		1.250.425	1.140.425		913.767	888.767			164.852			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí từ khoản công đến hết kế hoạch năm 2021		Kế hoạch 2022				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	TMBT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Vốn số kiến thiết
													Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		
1	Khởi nhà trung tâm, khởi nghiệp khoa đặc thù, khám chuyên, nhiệm vụ và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Xây mới 3 khối nhà 15 tầng, 7 tầng và 5 tầng	2018-2022	535/HĐND-TH ngày 06/8/2018; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	795.438	770.438	1707/QĐ-UBND, 30/10/2018	600.000	615.540	625.540	108.852	81.852	Vốn từ nguồn thu XSKT là 27 tỷ đồng và BVNK tỉnh đã long 25 tỷ đồng (tính đến 31/10/2021) XSKT năm 2022 là 15 tỷ đồng		
2	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Nhà Khoa Khám bệnh, diện tích sàn 10.300m ²	2019-2022	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	148.655	148.655	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	148.655	118.300	118.300	20.000	20.000			
3	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Nhà bệnh viện và khu vực 9 tầng, diện tích sàn 12.000m ²	2019-2022	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	171.356	171.356	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	171.356	126.057	126.057	35.000	35.000			
4	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Nhà điều trị nội trú, diện tích sàn 7.750m ²	2019-2022	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	118.329	118.329	1812/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	118.329	92.300	92.300	10.000	10.000			
5	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Phục hồi chức năng Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Nhà điều trị nội trú và khu tập luyện vận động, diện tích sàn 4.500m ²	2019-2022	11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	102.085	102.085	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	102.085	72.300	72.300	18.000	18.000			
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022					313.897	313.897		313.897	78.000	78.000	100.000	100.000			
1	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Ung bướu	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Khối nhà 8 tầng, diện tích 8.400m ² , công trình cấp II	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	149.455	149.455	2182/QĐ-UBND, 30/10/2020	149.455	37.500	37.500	45.000	45.000			
2	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	Khối nhà 7 tầng, diện tích sàn 10.150m ² , công trình cấp II	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	164.442	164.442	2188/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	164.442	40.500	40.500	55.000	55.000			

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HI	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền SDD			Vốn số kế toán thiết
															Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		
*	Dự án khởi công mới năm 2022				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	434.854	304.054	434.854	304.055		800	800	77.000	77.000				
1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giảng dạy Trung tâm y tế huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD-CT ĐD&CN tỉnh	Xây dựng mới 1 khối nhà 9 tầng, diện tích sàn 12.780m ²	2022-2024	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	219.708	219.708	219.708	219.708		400	400	38.500	38.500				
2	Xây dựng mở rộng quy mô giảng dạy Trung tâm y tế huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD-CT ĐD&CN tỉnh	Xây dựng mới 2 khối nhà 5 tầng, diện tích sàn 11.782m ²	2022-2024	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	205.146	84.346	205.146	84.347		400	400	38.500	38.500				
2.10	Đội ứng và đầu tư các dự án thuộc Quốc phòng - An ninh					274.838	92.751	274.838	92.751		15.400	15.400	35.000	35.000				
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					49.000	25.000	49.000	25.000		15.000	15.000	10.000	10.000				
1	Xây dựng Nhà khách Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang/Quản lý Khu 1	Xây dựng nhà khách Bộ CHQS tỉnh và các hạng mục phụ trợ, DT sàn 3.220m ²	2020-2022	2202/QĐ-BQP 14/7/2020; 97/UBND-TH ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh	49.000	25.000	49.000	25.000	25.000		15.000	15.000	10.000	10.000				Đội ứng NSTW - Bộ Quốc phòng
*	Các dự án chuyển tiếp hoặc thành sau năm 2022					225.838	67.751	225.838	67.751		400	400	25.000	25.000				
1	Xây dựng Kho với kho đầu (Đại đội 29)/Bộ chỉ huy quản lý tỉnh Bắc Giang	KVXD và hạ tầng phụ trợ	2021-2024	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	225.838	67.751	225.838	67.751	67.751		400	400	25.000	25.000				
II	VỐN TƯ NGUỒN THU SỬ DỤNG BẤT ĐỂU TIẾT NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐỀ ĐẦU TƯ										3.674.000	3.674.000	4.695.000	4.695.000				4.695.000

Biểu số 03

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2021			Kế hoạch 2022			Chi chú	
				TMĐT		TMĐT		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số	Trong đó						Thu hồi các khoản vốn ứng trước		
	TỔNG SỐ			5.902.543	5.338.112	7.250.591	6.392.866	481.398	460.242	2.439.628	2.354.505	1.481.675	1.401.675	199.055			
A	VỐN HỖ TRỢ MỤC TIÊU THEO TIÊU THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỦA TỈNH (theo tiêu chí tính điểm cho tỉnh)			4.449.828	4.238.112	5.797.876	5.292.866	481.398	460.242	2.098.828	2.054.505	901.675	901.675	199.055			
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			2.995.030	2.946.333	2.974.392	2.925.694			317.221	294.521	385.620	385.620				
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022			99.608	98.900	99.608	98.900			56.521	39.521	5.000	5.000				
1.1	Đường cứu hộ, cứu nạn các xã vùng lũ thuộc lưu vực sông Thương và sông Cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	4 tuyến đường, chiều dài 12,74km	2019-2023	99.608	98.900	99.608	98.900			56.521	39.521	5.000	5.000			Bổ sung thêm từ ngân sách tỉnh để hoàn thành dự án	
2	Các dự án chuyển tiếp bổn thành sau năm 2022			1.727.583	1.720.283	1.706.945	1.699.644			258.900	255.000	295.000	295.000				
2.1	Xây dựng đường và cầu Hà Bắc 2 nối tuyến nhánh 2, đường Vành đai IV với Khu công nghiệp Yên Phong và QL18, tỉnh Bắc Ninh	Chiều dài tuyến 02km, trong đó: Phần đường dài 1,510m; 01 cầu d=490m	2021-2024	358.260	356.260	358.122	356.122			31.000	30.000	50.000	50.000				

STT	Đanh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng			Lấy kế toán kế từ tài khoản công đến hết năm 2021			Kế hoạch 2022			Ghi chú	
				TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Trong đó: NSTW			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số	Trong đó					Thu hồi các khoản vốn ứng trước			
2.2	Cải tạo, nâng cấp ĐT291 trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Tổng chiều dài tuyến khoảng 16,29km, tiêu chuẩn đường cấp IV	2021-2024	370.314	368.814	2554/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	369.759	368.259	20.750	20.000	55.000	55.000	55.000						
2.3	Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (đoạn từ cầu Bó Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn)	Quy mô cấp III, cải tạo 01 cầu dài 65m, chiều dài 9,66km	2021-2024	158.135	157.535	2458/QĐ-UBND, 2357/QĐ-UBND, 24/12/2020	158.087	157.487	65.600	65.000	45.000	45.000	45.000						
2.4	Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn)	Dài 10,63km; cầu dài 0,5km; cấp III	2021-2024	557.933	555.933	2438/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	543.143	541.143	50.800	50.000	50.000	50.000	50.000						
2.5	Cải tạo, nâng cấp ĐT298 (đoạn từ Đình Néo đi Việt Yên)	Quy mô cấp III, chiều dài 18km; 03 cầu	2021-2024	282.941	281.741	2556/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	277.834	276.634	90.750	90.000	95.000	95.000	95.000						
3	Các dự án khởi công mới năm 2022			1.167.839	1.127.150		1.167.839	1.127.150	1.800	-	85.620	85.620	85.620						
3.1	Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa - Khuôn Thào trên địa bàn huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Đường cấp III đồng bằng (xây 01 cầu chiều dài 450m), đường dẫn dài 4km; tuyến chính dài 18 km; tuyến nhánh 10km	2022-2025	937.839	933.150	353/QĐ-UBND ngày 26/02/2021	937.839	933.150	1.000		55.620	55.620	55.620						
3.2	Đường liên xã từ QL17 (đoạn gần thị trấn Núi Nấm) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Quy mô cấp III đồng bằng, chiều dài tuyến 5,92km; tuyến nhánh 2,12km, 01 cầu vượt (kênh)	2022-2025	230.000	194.000	1980/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	230.000	194.000	800		30.000	30.000	30.000						Bộ tài liệu CBĐT năm 2021 là 100 triệu đồng; NS huyện ĐT GPXB 35 tỷ đồng
II	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ PTNT			550.681	441.621		1.900.004	1.813.979	1.553.384	1.550.984	298.555	298.555	298.555						199.055

STT	Danh mục dự án	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2021			Kế hoạch 2022			Ghi chú		
				TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)						Tổng số		Trong đó	
1	Bố trí thu hồi khoản ứng trước trong giải ngân 2016-2020 chưa thu hồi																			
1.1	Dự án Di dân tái định cư Trường bán Quốc gia khu vực 1 tỉnh Bắc Giang	Di dân 12.035 nhân khẩu, xây dựng CSHT; đầu tư xây dựng trường PT SX; 1462/2005-6/2015; Quyết toán QB 1178/QĐ-UBND, 28/7/2016 (quyết toán 1.328.252 tỷ đ)	2005-2015	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số	Trong đó	Trong đó	
				176.461	174.961	2177/QĐ-CT ngày 19/12/2005; 2201/QĐ-UBND ngày 24/12/2008	1.372.358	1.372.358	1.372.358	1.372.358	1.352.938	1.352.938	1.352.938	1.352.938	1.352.938	1.352.938	199.055	199.055	199.055	199.055
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022																			
*	Thay lợi, để điều																			
2.1	Cải tạo, nâng cấp công Đại La, đê tá Cầu, huyện Hiệp Hòa	Phá bỏ công cũ, xây công mới; tiêu nước cho 2.400ha; cải tạo, nâng cấp và gia cố 215m kènh.	2020-2022	46.774	46.274	1507/QĐ-UBND, 30/7/2020; 87/QĐ-UBND, 15/01/2021	46.774	46.274	46.274	46.274	25.800	25.800	25.800	25.800	25.800	25.800	2.500	2.500	2.500	
2.2	Cải tạo, nâng cấp công Yên Ninh, đê tá Cầu, huyện Hiệp Hòa	Phá bỏ công cũ, xây công mới, tiêu nước cho 9.500ha.	2020-2022	49.746	49.246	1506/QĐ-UBND, 30/7/2020; 88/QĐ-UBND, 15/01/2021	49.746	49.246	49.246	49.246	29.146	29.146	29.146	29.146	29.146	29.146	7.000	7.000	7.000	
2.3	Tu bổ sung sạt lở để điều hệ thống đê cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên từ K6+000 đến K14+700 để lưu sông Thương	Hoàn thiện mặt cắt, gia cố 6,7km đê; đường nối huyện đê với cầu Bến Tuấn dài 200m; kè lát mái phía sông, gia cố chân kè dài 1.135m.	2020-2022	79.941	79.441	1511/QĐ-UBND ngày 30/7/2020	79.941	79.441	79.441	79.441	58.100	58.100	58.100	58.100	58.100	58.100	15.000	15.000	15.000	
3	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			351.185	266.600		351.185	266.600	266.600	266.600	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	75.000	75.000	75.000	
*	Các dự án làm nghiệp																			

STT	Đanh mục dự án	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng		Lấy kế vốn bổ trợ từ khởi công đến hết năm 2021			Kế hoạch 2022			Ghi chú		
				TMĐT		TMĐT		TMĐT		TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)							
3.1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang.	Trồng rừng 200ha; chăm sóc 789ha, xây dựng 3 chòi canh, CCDC PCCC rừng	2021-2024	75.560	60.000	1605/QĐ-UBND, 29/7/2021	72.525	60.000		15.500	15.000	15.000	15.000					
*	Đầu tư các dự án thủy lợi, đê điều																	
3.2	Kênh tiêu thoát ở Nhân Điền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Cải tạo, nâng cấp kênh, chiều dài: 8.359,34m; 11 cầu giao thông qua kênh; công bố một bờ kênh dài 200,6m; đường giao thông 2,304,12m	2021-2024	129.860	99.660	1412/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	129.860	99.660		35.000	35.000	35.000	35.000					
*	Hỗ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp																	
3.3	Xây dựng và cải tạo hạ tầng thiết yếu vùng trồng cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao huyện Lục Ngạn	Xây dựng 5 tuyến đường giao thông, dài 13,85km	2021-2024	148.800	107.000	1193/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	148.800	107.000		35.400	35.000	35.000	35.000					
III	BÀU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP																	
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																	
I.1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc) giai đoạn 2	Xây mới HT xử lý nước thải KCN SK-NH, công suất 8.000m ³ /ngày đêm	2021-2024	123.500	105.000	2186/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	123.454	105.000		30.000	30.000	30.000	30.000					
IV	LĨNH VỰC Y TẾ																	
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																	
I.1	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn	Xây dựng mới khuôn nhà khám bệnh và điều trị nội trú: Nhà cao 7 tầng, diện tích sàn 7.350m ²	2021-2023	139.677	138.677	2187/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	139.677	138.677		25.500	25.000	25.000	25.000					

STT	Danh mục dự án	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng		Lấy kế vốn bố trí từ khóa công đến hết năm 2021			Kế hoạch 2022			Ghi chú	
				TMDT		TMDT		TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)								
1.2	Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Dũng	Xây dựng mới khối nhà hành chính và điều trị mới trú: Nhà cao 8 tầng, diện tích sàn 9.400m ² .	2021-2023	150.588	149.588	2189/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	150.588	150.588	2562/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	30.500	149.588	30.000	30.000	30.000			
V	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH			98.944	80.000		98.353	80.000		35.723	127.277	30.000	37.000	37.000			
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			98.944	80.000		98.353	80.000		35.723	127.277	30.000	37.000	37.000			
1.1	Bán tồn, tồn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt nhưng diềm khơi ngã nhà Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn I)	Phục dựng, xây mới, tu bổ, tôn tạo 5 cụm di tích	2019-2022	98.944	80.000	1740/QĐ-UBND, 31/10/2016; 1439/QĐ-UBND ngày 28/8/2019	98.353	80.000		35.723	127.277	30.000	37.000	37.000		Đang thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư và dự án	
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			121.982	120.000		121.982	120.000		20.700	20.000	20.000	20.000	20.000			
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			121.982	120.000		121.982	120.000		20.700	20.000	20.000	20.000	20.000			
1.1	Dự án Xây dựng khu giảng đường phục vụ học lý thuyết và chương trình Giáo dục thường xuyên, Nhà ký túc xá số 2, Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	Xây mới Nhà giảng đường 4 tầng, tổng diện tích sàn 11.087 m ² ; xây mới Nhà KTX số 2, cao 4 tầng, diện tích 4.567,5 m ²	2021-2024	121.982	120.000	1318/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	121.982	120.000		20.700	20.000	20.000	20.000	20.000			
VII	LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			45.011	36.000		45.011	36.000		45.011	36.000	24.000	7.000	7.000			
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022			45.011	36.000		45.011	36.000		45.011	36.000	24.000	7.000	7.000			
1.1	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng, TTB hệ thống TB mạng, máy chủ, hệ thống lưu trữ, phần mềm hệ thống, phần mềm ITI	2019-2023	45.011	36.000	447/QĐ-UBND, ngày 29/3/2016	45.011	36.000	1737/QĐ-UBND ngày 06/11/2018; 937/QĐ-UBND, ngày 14/6/2019	30.100	36.000	24.000	7.000	7.000			

STT	Đanh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng		Lấy kế vốn bổ trợ từ thời kỳ công đến hết năm 2021			Kế hoạch 2022		Giải chủ		
				TMĐT		TMĐT		TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)								
VIII	ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH ATK			244.415	220.893	244.415	212.193	13.122	8.700	55.700	50.000	63.500	63.500				
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022			13.122	8.700	13.122		13.122	8.700	9.350	5.000	7.500	7.500				
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các xã Hoàng An, Hoàng Lương, Thái Sơn, Đại Thành và Thanh Văn, huyện Hiệp Hòa	Cải tạo, nâng cấp 7 tuyến đường, chiều dài 4,168km	2020-2022	13.122	8.700	13.122		13.122	8.700	9.350	5.000	1.500	1.500				
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			115.293	114.293	115.293	114.293			45.750	45.000	32.000	32.000				
2.1	Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Văn, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	Tông tu, tôn tạo Đền Y Sơn, Đình Xuân Biều, cải tạo nhà truyền thống ATKII xã Hoàng Văn; xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn	2021-2023	59.954	59.454	59.954	59.454			15.450	15.000	25.000	25.000				
2.2	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường MN, TH, THCS thuộc các xã: Thanh Văn, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thành, Hoàng Văn, huyện Hiệp Hòa	5.560m ² phòng học (trong đó 3.120 m ² phòng học năm non; 520m ² phòng học TH; 1.920 m ² phòng học THCS); Nhà hiệu bộ	2021-2023	55.339	54.839	55.339	54.839			30.300	30.000	7.000	7.000				
3	Dự án khởi công mới năm 2022			116.000	97.900	116.000	97.900			600		30.000	30.000				
3.1	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Xuân Cẩm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	66 phòng học	2022-2025	62.000	52.000	62.000	52.000			300		15.000	15.000				
3.2	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Thái Sơn, Hoàng Văn, Hương Lâm, Hợp Thịnh, Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	69 phòng học	2022-2025	54.000	45.900	54.000	45.900			300		15.000	15.000				

STT	Danh mục dự án	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2021		Kế hoạch 2022			Ghi chú	
				TMBT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)							Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước
B	ĐỀ XUẤT NHỮNG DỰ ÁN CẤP THIẾT MANG TÍNH CHẤT KẾT NỐI LIÊN VÙNG VÀ HỖ TRỢ KHÁC TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			1.452.715	1.100.000	1.452.715	1.100.000	1.452.715	1.100.000	340.800	300.000	580.000	500.000	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			1.452.715	1.100.000	1.452.715	1.100.000	1.452.715	1.100.000	340.800	300.000	580.000	500.000	
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1.452.715	1.100.000	1.452.715	1.100.000	1.452.715	1.100.000	340.800	300.000	580.000	500.000	
I.1	Đường mới QL37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	XD mới 42,3 km (28,3 km cấp III đồng bằng, 14 km cấp III MN); CT, NC 13,69 km cấp III	2021-2024	1.452.715	1.100.000	1065/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	1.100.000	1.452.715	1.100.000	340.800	300.000	580.000	500.000	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022 TỈNH BẮC GIANG
 (Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu						Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021				Kế hoạch 2022			CHI CHỦ				
					TMBT			Vốn đối ứng	Vốn ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
					Tổng số	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)										Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Quy đổi ra tiền Việt	Trong đó	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ Trung ương
*	CÔNG CỘNG ĐỘ THỊ - TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG				1.039.940	190.904	26.821	124.200	849.036	849.036	128.177	128.177	849.036	12.000	505.351	116.097	185.600	2.000	132.900	50.800		
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				152.498	24.321	24.321		128.177	128.177	128.177	128.177	9.500	78.447	8.661	24.000	2.000	20.000	2.000	2.000	2.000	Vốn ODA cần bổ sung ngoài vốn giao của QĐ 1535/QĐ-TTg, 2.747/ý Đương KH năm 2021 điều chỉnh trên tổng (gồm ODA cấp phát là 31.950 triệu đồng và ODA vay lại là 3.550 triệu đồng)
1.1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, vay vốn ngân hàng Thế giới	Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai; xây dựng CSDL đất đai	2019-2022	1426/QĐ-UBND, 08/9/2016; 208/ĐTNNMT-KH; 431/QĐ-UBND ngày 02/7/2019; 969/QĐ-UBND ngày 16/12/2019	152.498	24.321	24.321		128.177	128.177	128.177	9.500	78.447	8.661	24.000	2.000	20.000	2.000	20.000	2.000	2.000	
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				887.442	166.583	2.500	124.200	720.859	720.859	720.859	720.859	2.500	426.904	107.436	161.600	112.800	48.800				

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021				Kế hoạch 2022				Ghi chú		
					TMDT				Vốn đối ứng	Vốn ODA	Vốn đối ứng	Vốn ODA	Vốn đối ứng	Vốn ODA	Vốn đối ứng	Vốn ODA			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Trong đó:	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó
Tổng số	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TFCF)	Quy đổi ra tiền Việt	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ nước ngoài	Tổng số	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ nước ngoài	Tổng số	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ nước ngoài									
2.1	Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang	Hạ tầng giao thông; thoát nước và VSMT và VSMT	2016-2022	1709/QP-UBND, 16/9/2015; 476/QP-UBND, 31/3/2016; 1111/QP-UBND, 24/7/2018; 330/QP-UBND, 04/3/2019; 1049/QP-UBND, 02/7/2019	887.442	166.583	2.500	124.200	720.859	720.859	720.859	536.840	2.500	426.904	107.436	161.600	112.800	48.800	Vốn ODA của bộ tài chính nước ngoài do tỉnh giao của OP 1535/QĐ-TTg là 179.733 tỷ đồng; KH năm 2021 đầu chính gồm 46.000 triệu đồng (gồm ODA cấp phát là 36.800 triệu đồng và ODA vay lại là 9.200 triệu đồng)

Biểu số 05

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2021		Kế hoạch 2022		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	TMBT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh và TPCQ ĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ				1.493.000	1.493.000		1.492.478	1.200	1.200	370.000	300.000	
*	Lĩnh vực giao thông												
1	Xây dựng cầu Đòng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Đường cấp II đồng bằng, chiều dài tuyến 7,94km; phần cầu vịnh cũ bằng kết cấu BTCT và BTCT DUL, chiều dài 711 m; bề rộng toàn cầu B=23,5m	2022-2025	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	1.493.000	1.493.000	2440/QĐ-UBND, 29/11/2021	1.492.478	1.200	1.200	370.000	300.000	